

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN**

Số: 27/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Thuận, ngày 19 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán
thu, chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính
phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa
phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính
ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa
phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của
HĐND tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định
mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các
năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của
UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm
2024 đối với các huyện, thành phố;*

*Xét Tờ trình số 189/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân huyện Vĩnh Thuận về việc dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn
và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng
nhân dân huyện tại kỳ họp.*



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024, cụ thể như sau:

I. VỀ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2024**1. Tổng dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 43 tỷ 400 triệu đồng**

- Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước địa phương là 450 triệu đồng.
- Thu thuế công thương nghiệp và dịch vụ ngoài quốc doanh: 14 tỷ 800 triệu đồng.
- Thuế thu nhập cá nhân: 8 tỷ 400 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất: 4 tỷ đồng.
- Thu tiền thuê đất: 160 triệu đồng.
- Lệ phí trước bạ: 9 tỷ 200 triệu đồng.
- Thu phí và lệ phí: 2 tỷ đồng.
- Thu khác ngân sách: 4 tỷ 390 triệu đồng.

2. Tổng dự toán thu ngân sách địa phương được hưởng: 462 tỷ 493 triệu đồng

- a) Thu được hưởng theo phân cấp: 28 tỷ 020 triệu đồng.
- b) Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 423 tỷ 643 triệu đồng.

Trong đó:

- + Bổ sung cân đối: 329 tỷ 209 triệu đồng.
- + Bổ sung mục tiêu: 94 tỷ 434 triệu đồng.
- c) 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024: 10 tỷ 830 triệu đồng.

II. VỀ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

Tổng dự toán chi ngân sách địa phương là 462 tỷ 493 triệu đồng.

- a) Chi đầu tư phát triển: 2 tỷ 400 triệu đồng.
- b) Chi thường xuyên: 446 tỷ 681 triệu đồng.
- c) Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 4 tỷ 391 triệu đồng.
- d) Chi dự phòng ngân sách: 9 tỷ 021 triệu đồng.

III. CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**1. Tổng thu ngân sách địa phương được hưởng: 462 tỷ 493 triệu đồng**

- Thu được hưởng theo phân cấp: 28 tỷ 020 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh: 423 tỷ 643 triệu đồng.
- + Bổ sung cân đối: 329 tỷ 209 triệu đồng.
- + Bổ sung mục tiêu: 94 tỷ 434 triệu đồng.
- 10% tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024: 10 tỷ 830 triệu đồng.

2. Tổng chi ngân sách địa phương: 462 tỷ 493 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 2 tỷ 400 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 449 tỷ 572 triệu đồng.
- Chi chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 1 tỷ 500 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách: 9 tỷ 021 triệu đồng.

(Phụ lục I, II, III, IV kèm theo)

Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Thuận khóa XI, kỳ họp thứ mười ba thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ VN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Website Vĩnh Thuận;
- Các ban, ngành, đoàn thể huyện;
- LĐVP, CVNC;
- TT. HĐND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thoàn



Phụ lục I

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Thuận)

ĐVT: Triệu đồng

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2023			Dự toán năm 2024
		Tỉnh giao	HĐND huyện giao	Ước Thực hiện năm 2023	
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	40.500	40.500	42.280	43.400
1	Thu nội địa	40.500	40.500	42.280	43.400
2	Thu hoạt động xuất khẩu, nhập				
B	TỔNG THU NS ĐỊA PHƯƠNG	439.882	439.882	768.633	462.493
I	NGUỒN THU NS HUYỆN, XÃ	439.882	439.882	768.633	462.493
1	Thu NS được hưởng theo phân cấp	31.500	31.500	31.500	28.020
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	408.382	408.382	661.534	423.643
	- Bổ sung cân đối	346.882	346.882	346.882	329.209
	- Bổ sung có mục tiêu	61.500	61.500	314.652	94.434
3	10% Tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024	-	-	-	10.830
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang			75.599	
C	TỔNG CHI NS ĐỊA PHƯƠNG	439.882	439.882	768.633	462.493
1	Các khoản chi cân đối NS địa phương	385.314	385.314	703.287	398.570
	- Chi đầu tư phát triển	1.200	1.200	201.720	2.400
	- Chi thường xuyên	376.582	376.582	429.535	386.902
	- Dự phòng ngân sách	7.532	7.532	7.530	7.768
	- Chi thực hiện chương trình mục tiêu			64.502	1.500
2	Chi ngân sách xã	54.568	54.568	65.346	63.923
D	BỘI CHI/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (B-C)	-	-	-	-

ĐỀ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Thuận)

STT	Nội dung	DT năm 2023			Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024						SS U'ITH năm 2023 so DT HĐND năm 2023		SS dự toán HĐND năm 2023			
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện giao	Tỉnh giao		HĐND huyện giao	Bao gồm				Tuyệt đối			Tỷ lệ %	Tuyệt đối	Tỷ lệ %	Tinh giao năm 2023 %
							NS TW hưởng	NS tỉnh hưởng	NS địa phương hưởng	Trong đó:							
										NS huyện		NS xã					
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10=11+12	11	12	13=5-4	14=5/4	15=7-4	16=7/4	17=7/6	18=7/5
	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)	40.500	40.500	54.000	43.400	43.400	4.770	10.610	28.020	23.245	4.775	13.500	1,25	2.900	1,07	1,00	0,80
I	THU NỘI ĐỊA	40.500	40.500	54.000	43.400	43.400	4.770	10.610	28.020	23.245	4.775	13.500	1,33	2.900	1,07	1,00	0,80
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	-				-			-			-	1,33	-			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	300	300	320	450	450	-	450	-			20		150	1,50	1,00	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	-	-	-		-			-			-		-			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	18.450	18.450	25.695	14.800	14.800			14.800	13.140	1.660	7.245		(3.650)	0,80	1,00	0,58
5	Lệ phí trước bạ	9.350	9.350	9.500	9.200	9.200			9.200	7.360	1.840	150		(150)	0,98	1,00	0,97
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-			-			-			-		-			
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		-			-			-			-		-			
8	Thuế thu nhập cá nhân	5.600	5.600	8.000	8.400	8.400		8.400	-	-	-	2.400		2.800	1,50	1,00	1,05
9	Thuế bảo vệ môi trường		-			-			-			-	1,43	-			
10	Phí, lệ phí	1.700	1.700	1.935	2.000	2.000	1.170	-	830	220	610	235		300	1,18	1,00	1,03
11	Tiền sử dụng đất	2.000	2.000	3.300	4.000	4.000		1.600	2.400	2.400		1.300		2.000	2,00	1,00	1,21
12	Thu tiền thuê đất, mặt nước	100	100	2.230	160	160		160	-			2.130	22,30	60	1,60	1,00	0,07
13	Thu từ bán tài sản nhà nước		-			-			-			-		-			

STT	Nội dung	DT năm 2023		Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024							SS U`TH năm 2023 so DT HĐND năm 2023		SS dự toán HĐND năm 2023			
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện giao		Tỉnh giao	HĐND huyện giao	Bao gồm					Tuyệt đối	Tỷ lệ %	Dự toán HĐND 2023		Tỉnh giao năm 2023 %	Ước thực hiện 2023 %
							NS TW hưởng	NS tỉnh hưởng	NS địa phương hưởng	Trong đó:				Tuyệt đối	Tỷ lệ %		
										NS huyện	NS xã						
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10=11+12	11	12	13=5-4	14=5/4	15=7-4	16=7/4	17=7/6	18=7/5
14	Thu từ TS được xác lập quyền SHNN		-			-			-			-		-			
15	Thu tiền cho thuê, bán nhà ở thuộc SHNN		-			-			-			-		-			
16	Thu khác ngân sách	3.000	3.000	3.020	4.390	4.390	3.600		790	125	665	20		1.390	1,46	1,00	1,45
17	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-			-			-			-		-			
18	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		-			-			-			-		-			
II	THU TỪ HĐ XUẤT, NHẬP KHẨU								-								

Phụ lục III

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Thuận)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024				SS DT HĐND giao 2024			Ư' TH năm 2023 so HĐND giao năm 2023	
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện giao		Tỉnh giao	HĐND huyện giao	Trong đó		DT HĐND giao 2024		Tỉnh giao 2024		
							Cấp huyện	Cấp xã	Tuyệt đối	Tương đối		Tuyệt đối	Tương đối
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=7-4	11=7/4	12=7/6	13=5-4	14=5/4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (A+B)	439.882	439.882	768.633	462.493	462.493	398.570	63.923	22.611	105,14	100,00	328.751	174,74
A	CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	386.384	439.882	703.287	398.570	398.570	398.570		(41.312)	90,61	100,00	263.405	159,88
I	Chi cân đối ngân sách huyện	386.384	351.984	638.785	398.570	397.070	397.070		45.086	112,81	99,62	286.801	181,48
1	Chi đầu tư phát triển	1.200	1.200	201.720	2.400	2.400	2.400	-	1.200	200,00	100,00	200.520	16.810
2	Chi thường xuyên	376.582	342.182	429.535	388.402	446.681	386.902	59.779	104.499	130,54	115,00	87.353	125,53
a	Chi giáo dục - đào tạo	175.170	175.170	174.510	209.762	209.762	209.762		34.592	119,75	100,00	(660)	99,62
b	Chi quốc phòng - an ninh	3.097	3.080	10.474	3.097	3.097	3.097		17	100,55	100,00	7.394	340,06
c	Chi sự nghiệp y tế, dân số	32.173	32.173	31.932		-			(32.173)	-		(241)	99,25
d	Chi sự nghiệp văn hóa TT và truyền thanh	3.063	2.813	3.262	3.027	3.067	3.067		254	109,03	101,32	449	115,96
e	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	364	362	221	364	365	365		3	100,83	100,27	(141)	61,05
f	Chi sự nghiệp BV môi trường	4.400	4.400	2.919	4.400	4.400	4.400		-	100,00	100,00	(1.481)	66,34
g	Chi hoạt động kinh tế	97.150	8.000	100.436	99.772	89.830	89.830		81.830	1.122,88	90,04	92.436	1.255,45
h	Chi quản lý NN, Đảng, ĐT	30.712	86.396	74.424	33.420	101.294	41.515	59.779	14.898	117,24	303,09	(11.972)	86,14
i	Chi bảo đảm xã hội	26.232	25.505	28.908	28.627	28.627	28.627		3.122	112,24	100,00	3.403	113,34
k	Chi khác	3.679	3.679	2.449	3.846	3.846	3.846		167	104,54	100,00	(1.230)	66,57
l	Chi sự nghiệp khác	542	604		612	918	918		314	151,99	150,00		



STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024				SS DT HĐND giao 2024			U' TH năm 2023 so HĐND giao năm 2023	
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện giao		Tỉnh giao	HĐND huyện giao	Trong đó		DT HĐND giao 2024		Tỉnh giao 2024		
							Cấp huyện	Cấp xã	Tuyệt đối	Tương đối		Tuyệt đối	Tương đối
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=7-4	11=7/4	12=7/6	13=5-4	14=5/4
m	Chi tuyên truyền và hoạt động bộ phận một cửa thực hiện đề án 06; nghị quyết 09, 162 HĐND tỉnh; kinh phí huấn luyện dự bị động viên; kinh phí đảm bảo dân quân thường trực				1.475	1.475	1.475				100,00		
3	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay		-			-			-				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		-			-			-				
5	Dự phòng ngân sách	8.602	8.602	7.530	7.768	9.021	7.768	1.253	419	104,87	116,13	(1.072)	87,54
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương		-			-			-				
II	Chi từ nguồn BS có mục tiêu		87.898	64.502	-	4.391	1.500	2.891	(83.507)			(23.396)	
1	Chi thực hiện các chương trình MTQG		-			-			-				
2	Chi đầu tư thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ khác		48.520					-	(48.520)			(48.520)	
3	Chi từ nguồn hỗ trợ thực hiện các chế độ, chính sách		18.846			4.391	1.500	2.891	(14.455)			(18.846)	
B	CHI NGÂN SÁCH XÃ	53.498		65.346	63.923	63.923		63.923	63.923		100,00	65.346	
C	CÂN ĐỐI NS ĐỊA PHƯƠNG								-				
I	Tổng thu NSDP được sử dụng	439.882	439.882	-	462.493	462.493	398.570	63.923	22.611	105,14	100,00	(439.882)	-
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	31.500	31.500		28.020	28.020	23.245	4.775	(3.480)	88,95	100,00	(31.500)	-
2	Thu bổ sung từ NS cấp trên	408.382	408.382	-	423.643	423.643	365.308	58.335	15.261	103,74	100,00	(408.382)	-
2.1	Thu bổ sung cân đối	346.882	346.882		329.209	329.209	273.765	55.444	(17.673)	94,91	100,00	(346.882)	-
2.2	Thu bổ sung có mục tiêu	61.500	61.500		94.434	94.434	91.543	2.891	32.934	153,55	100,00	(61.500)	-
3	10% chi tiết kiệm thường xuyên năm 2024				10.830	10.830	10.017	813					

STT	Nội dung	Dự toán năm 2023		Ước thực hiện năm 2023	Dự toán năm 2024				SS DT HĐND giao 2024			Ư' TH năm 2023 so HĐND giao năm 2023	
		UBND tỉnh giao	HĐND huyện giao		Tỉnh giao	HĐND huyện giao	Trong đó		DT HĐND giao 2024		Tỉnh giao 2024		
							Cấp huyện	Cấp xã	Tuyệt đối	Tương đối			
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10=7-4	11=7/4	12=7/6	13=5-4	14=5/4
II	Tổng Chi NS địa phương	439.882	439.882	768.633	462.493	462.493	398.570	63.923	22.611	105,14	100,00	328.751	174,74





Phụ lục IV

CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, XÃ NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của HĐND huyện Vĩnh Thuận)

ĐVT: Triệu đồng

SỐ TT	CHỈ TIÊU	Dự toán năm 2023	Dự toán năm 2024	SO SÁNH	
				Tuyệt đối	Tương đối
1	2	3	4	5=4-3	6=4/3
A	NGÂN SÁCH HUYỆN				
I	NGUỒN THU NS HUYỆN	434.742	457.718	12.146	1,05
1	Thu NS huyện hưởng theo phân cấp	26.360	23.245	(3.115)	0,88
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	408.382	423.643	15.261	1,04
	- Bổ sung cân đối	346.882	329.209	(17.673)	0,95
	- Bổ sung có mục tiêu	61.500	94.434	32.934	1,54
3	10% Tiết kiệm chi thường xuyên năm 2024		10.830	10.830	
II	CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	434.742	457.718	13.142	1,05
1	Các khoản chi cân đối theo nhiệm vụ phân cấp	385.314	398.570	13.256	1,03
2	Chi bổ sung ngân sách xã	49.428	59.148	9.720	1,20
	- Bổ sung cân đối	45.610	55.444	9.834	1,22
	- Bổ sung có mục tiêu	3.818	3.704	(114)	0,97
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	NGUỒN THU NS XÃ	54.568	63.923	9.355	1,17
1	Thu NS xã hưởng theo phân cấp	5.140	4.775	(365)	0,93
2	Thu bổ sung từ ngân sách huyện	49.428	59.148	9.720	1,20
	- Bổ sung cân đối	45.610	55.444	9.834	1,22
	- Bổ sung có mục tiêu	3.818	3.704	(114)	0,97
II	CHI NGÂN SÁCH XÃ	54.568	63.293	8.725	1,16
1	Các khoản chi cân đối theo nhiệm vụ phân cấp	54.568	63.293	8.725	1,16